

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đại học chính quy đợt 2 năm 2022

Căn cứ kết quả tuyển sinh đợt 1, Trường Đại học Tây Nguyên thông báo tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy đợt 2, năm 2022 như sau:

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Thông tin chung

- Tên trường: **Trường Đại học Tây Nguyên**
- Mã trường: **TTN**

1.2. Đối tượng tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

a) Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Mức điểm nhận hồ sơ đối với các phương thức xét tuyển: Quy định chi tiết tại mục 1.3.

- Đối với phương thức xét học bạ, xét điểm thi đánh giá năng lực, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề khi: Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Riêng đối với ngành Giáo dục thể chất, Điều dưỡng, thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất, ngoài các quy định trên, thí sinh phải có điểm các môn năng khiếu đạt từ 5.0 (năm) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập THPT (học bạ) phải có điểm môn Tiếng Anh đạt từ 6.0 (sáu) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.

1.3. Thông tin ngành, phương thức, chỉ tiêu, mức điểm nhận hồ sơ tuyển sinh

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Mức điểm nhận hồ sơ	Tổ hợp xét tuyển				Ghi chú
							Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4	
1	7140201	Giáo dục Mầm non	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	19.0	M01	M09			Thí sinh phải có điểm các môn năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển
2	7140201	Giáo dục Mầm non	HB	Xét học bạ	2	19.0	M01	M09			
3	7140201	Giáo dục Mầm non	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	700	NL1				
4	7140202	Giáo dục Tiểu học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	1	24.51	A00	C00	C03		
1	7140206	Giáo dục Thể chất	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	3	18.0	T01	T20			Thí sinh phải có điểm các môn năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển
2	7140206	Giáo dục Thể chất	HB	Xét học bạ	6	18.0	T01	T20			
3	7140206	Giáo dục Thể chất	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	600	NL1				Thí sinh phải có điểm các môn năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển
4	7140209	Sư phạm Toán học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	1	23.55	A00	A01	A02	B00	
5	7140209	Sư phạm Toán học	HB	Xét học bạ	1	27.6	A00	A01	A02	B00	
6	7140209	Sư phạm Toán học	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	700	NL1				
7	7140213	Sư phạm Sinh học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	1	19.0	A02	B00	B03	B08	
8	7140213	Sư phạm Sinh học	HB	Xét học bạ	1	23.0	A02	B00	B03	B08	
9	7140213	Sư phạm Sinh học	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	700	NL1				
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	1	24.75	C00	C19	C20		
11	7140217	Sư phạm Ngữ văn	HB	Xét học bạ	1	26.1	C00	C19	C20		
12	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	7	19.0	A00	A02	B00	D90	
13	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	HB	Xét học bạ	2	23.0	A00	A02	B00	D90	
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	700	NL1				
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	8	16.0	D01	D14	D15	D66	
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	HB	Xét học bạ	5	18.0	D01	D14	D15	D66	
17	7229001	Triết học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	15.0	C00	C19	D01	D66	

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Mức điểm nhận hồ sơ	Tổ hợp xét tuyển				Ghi chú
							Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4	
18	7229001	Triết học	HB	Xét học bạ	17	18.0	C00	C19	D01	D66	
19	7229030	Văn học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	9	15.0	C00	C19	C20		
20	7229030	Văn học	HB	Xét học bạ	10	18.0	C00	C19	C20		
21	7310101	Kinh tế	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	5	15.0	A00	A01	D01	D07	
22	7310101	Kinh tế	HB	Xét học bạ	6	18.0	A00	A01	D01	D07	
23	7310105	Kinh tế phát triển	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	15.0	A00	A01	D01	D07	
24	7310105	Kinh tế phát triển	HB	Xét học bạ	38	18.0	A00	A01	D01	D07	
25	7420201	Công nghệ sinh học	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	15.0	A00	A02	B00	B08	
26	7420201	Công nghệ sinh học	HB	Xét học bạ	30	18.0	A00	A02	B00	B08	
27	7540101	Công nghệ thực phẩm	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	15.0	A00	A02	B00	B08	
28	7540101	Công nghệ thực phẩm	HB	Xét học bạ	27	18.0	A00	A02	B00	B08	
29	7620105	Chăn nuôi	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	15.0	A02	B00	B08	D13	
30	7620105	Chăn nuôi	HB	Xét học bạ	30	18.0	A02	B00	B08	D13	
31	7620110	Khoa học cây trồng	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	15.0	A00	A02	B00	B08	
32	7620110	Khoa học cây trồng	HB	Xét học bạ	36	18.0	A00	A02	B00	B08	
33	7620112	Bảo vệ thực vật	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	15.0	A00	A02	B00	B08	
34	7620112	Bảo vệ thực vật	HB	Xét học bạ	23	18.0	A00	A02	B00	B08	
35	7620115	Kinh tế nông nghiệp	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	15.0	A00	A01	D01	D07	
36	7620115	Kinh tế nông nghiệp	HB	Xét học bạ	21	18.0	A00	A01	D01	D07	
37	7620205	Lâm sinh	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	15.0	A00	A02	B00	B08	
38	7620205	Lâm sinh	HB	Xét học bạ	30	18.0	A00	A02	B00	B08	
39	7640101	Thú y	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	4	15.0	A02	B00	B08	D13	
40	7640101	Thú y	HB	Xét học bạ	4	18.0	A02	B00	B08	D13	
41	7720301	Điều dưỡng	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	1	19.0	B00				
42	7720301	Điều dưỡng	DGNL	Xét kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM	1	700	NL1				
43	7850103	Quản lí đất đai	THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	15.0	A00	A01	A02	B00	
44	7850103	Quản lí đất đai	HB	Xét học bạ	20	18.0	A00	A01	A02	B00	

1.4. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh: Thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.5. Mức chênh lệch điểm trong xét tuyển: Điểm trúng tuyển bằng nhau trong cùng một ngành và cùng một phương thức xét tuyển.

1.6. Nguyên vọng trúng tuyển: Mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo điều kiện trúng tuyển (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

2. Các bước đăng ký xét tuyển

a) Cách đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn/dkxt>.

b) Thời gian đăng ký: Đến 17h00 ngày 10/10/2022.

3. Lệ phí xét tuyển: Miễn phí.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ: Phòng Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh, Trường Đại học Tây Nguyên, 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.817.397, 096 516 44 45

Email: tuyensinh@ttn.edu.vn

website: <http://tuyensinh.ttn.edu.vn>

Fanpage: www.fb.com/tvtsttn

Nơi nhận:

- Phòng TT&TVTS (đăng website);
- Lưu: VT, ĐT(5).



HIỆU TRƯỞNG *Del*

TS. Nguyễn Thanh Trúc